TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Gia.**
2. Ông **Nguyễn Văn Hải.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Thúy E – sinh năm: 1983.
Nơi ĐKHKTT: 25 Tổ 1, Ấp 4, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Hồ Thanh X – sinh năm: 1979.
Nơi ĐKHKTT: Ấp HH 2, xã HH, huyện ĐH, tỉnh Long An.
Tạm trú: Ấp 4, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
(Chị E có đơn xin xét xử vắng mặt; anh X vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị La Thúy E trình bày:

Chị và anh Hồ Thanh X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và được Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ĐH, tỉnh LA cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/3/2003. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra do vợ chồng không thống nhất trong việc quản lý kinh tế gia đình. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng nhau. Từ năm 2017 đến nay, anh chị

sống ly thân nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng, không gặp gỡ nhau để bàn bạc việc đoàn tụ. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh X.

Về con chung: Chị và anh X có 02 con chung:

- Hồ Hải Phi L – sinh ngày: 05/9/2003.
- Hồ Huy Ph – sinh ngày: 06/9/2015.

Từ khi chị và anh X ly thân nhau đến nay, cháu L sống cùng chị còn cháu Ph sống cùng anh X.

Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và đồng ý giao cháu Ph cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang là lao động tự do còn anh X làm nghề thợ xây tại địa phương, thu nhập mỗi người trung bình mỗi tháng 6.000.000đ – 7.000.000đ, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Hồ Thanh X: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh X đến Tòa án làm việc nhưng anh X không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị E đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị E (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị E (bản sao); Đơn xin xác nhận tạm trú (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 17/6/2020 của chị La Thúy E (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2020 đối với chị La Thúy E; Đơn thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Hồ Hải Phi L; Biên bản xác minh ngày 13/7/2020 đối với ông Nguyễn Văn P; Biên bản xác minh ngày 13/7/2020 đối với ông Nguyễn Xuân K; Biên bản xác minh ngày 14/7/2020 đối với ông Nguyễn Thành N.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị E và anh X đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị E, cho chị La Thúy E được ly hôn với anh Hồ Thanh X.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Hồ Hải Phi L – sinh ngày: 05/9/2003 cho chị La Thúy E trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hồ Huy Ph – sinh ngày: 06/9/2015 cho anh Hồ Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị E không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh X nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị La Thúy E phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị La Thúy E khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Hồ Thanh X. Anh X đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị La Thúy E và anh Hồ Thanh X là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị E có đơn xin xét xử vắng mặt, anh X vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị E và anh X.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị E và anh X tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ĐH, tỉnh LA vào ngày 31/3/2003. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị E yêu cầu ly hôn với anh X thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị E yêu cầu ly hôn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và trong việc quản lý kinh tế gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh X đến Tòa án để hòa giải nhưng anh X không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh X không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 32 – 33).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị E có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên

chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị E là cho chị được ly hôn với anh X là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị E và anh X có 02 con chung là:

- Hồ Hải Phi L – sinh ngày: 05/9/2003.
- Hồ Huy Ph – sinh ngày: 06/9/2015.

Chị E yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và đồng ý giao cháu Ph cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L có nguyện vọng được trực tiếp sống cùng chị E (bút lục 31). Bản thân chị E và anh X có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị E và anh X ly thân nhau đến nay, cháu L sống cùng chị E, cháu Ph sống cùng anh X. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao cháu L cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ph cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị E và anh X không phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung: Chị E kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh X nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về nợ chung: Chị E kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh X nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị La Thúy E chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thúy E.

Cho chị La Thúy E được ly hôn anh Hồ Thanh X.

2. Về con chung: Chị E và anh X có 02 con chung là:
- Hồ Hải Phi L – sinh ngày: 05/9/2003.
- Hồ Huy Ph – sinh ngày: 06/9/2015.

Giao cháu Hồ Hải Phi L cho chị La Thúy E trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ Huy Ph cho anh Hồ Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Chị E và anh X có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị La Thúy E phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị E đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006326 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị E và anh X có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã HH, huyện ĐH, tỉnh LA : Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 19, cấp ngày 31/3/2003);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Lợi